

Số: 490 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 14 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn
thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân, nhằm hướng tới hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ;
- Thúc đẩy phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;
- Thu hút sự tham gia tích cực của tất cả các đối tượng trong xã hội, trong đó viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cá nhân hoạt động sáng tạo, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra và khai thác quyền sở hữu trí tuệ;
- Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải được xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho trên 3.000 lượt đại biểu là đại diện Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, hội, đoàn thể, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố;
- Số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16-18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%;
- Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8-10%/năm;
- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12-14%/năm;

(5) Tối thiểu 60% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của thành phố được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

(6) Hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ được nâng cao rõ rệt, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giảm đáng kể.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ

a) Lồng ghép chính sách, giải pháp thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong các chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của thành phố và các ngành, lĩnh vực;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật liên quan, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Xác định, củng cố các đầu mối chuyên trách về sở hữu trí tuệ tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở địa phương; đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

b) Đơn giản hóa, hiện đại hóa, công khai, minh bạch trình tự và thủ tục hành chính về sở hữu trí tuệ;

c) Triển khai toàn diện dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu về sở hữu trí tuệ; tăng cường ứng dụng công nghệ trong hoạt động xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm an toàn, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để công chúng tiếp cận, tra cứu, phân tích và khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ;

d) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

3. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhất là cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số; nâng cao trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, chủ quản nền tảng số trong việc ngăn chặn, loại bỏ và không tiếp tay cho hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng;

c) Nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong thương mại điện tử;

d) Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm về sở hữu trí tuệ, nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ;

đ) Khuyến khích giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ bằng hình thức trọng tài, hòa giải;

e) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình;

g) Mở rộng xã hội hóa, đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tư pháp về sở hữu trí tuệ;

h) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Thúc đẩy hoạt động tạo ra các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

a) Xây dựng, cung cấp các công cụ và dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ cho các cá nhân, tổ chức (viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp...);

b) Đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo hợp tác với doanh nghiệp theo hướng tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó tăng cường sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh;

c) Thúc đẩy các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm ươm tạo các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao;

d) Triển khai hiệu quả cơ chế khuyến khích các cá nhân tham gia vào quá trình đổi mới công nghệ và sáng tạo văn hóa; tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tác giả, doanh nghiệp, tổ chức có thành tích trong hoạt động sáng tạo; trân trọng từng thành quả sáng tạo, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất;

đ) Hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận tiềm năng trong và ngoài nước.

5. Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ hình thành và phát triển mạng lưới chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ tại các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ;

b) Hỗ trợ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học thành lập doanh nghiệp để khai thác quyền sở hữu trí tuệ, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa; lồng ghép hoạt động hỗ trợ tạo lập, khai thác, bảo vệ, phát triển quyền sở hữu trí tuệ vào các

chương trình, kế hoạch, đề án của địa phương, trong đó có Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài;

d) Hỗ trợ hình thành các dịch vụ trung gian để tăng cường kết nối cung cầu về quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh hoạt động đánh giá, định giá đối tượng quyền sở hữu trí tuệ làm cơ sở thực hiện các giao dịch trên thị trường;

đ) Tăng cường khai thác thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn và khai thác công nghệ phù hợp; khuyến khích sử dụng các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam nhưng phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương;

e) Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng các sản phẩm sáng tạo là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan đã hết thời hạn bảo hộ hoặc thuộc về Nhà nước;

g) Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian nhằm khai thác tiềm năng sản phẩm có thể mạnh của địa phương;

h) Triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

6. Phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ thành lập các tổ chức dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ, chú trọng phát triển các trung tâm tư vấn, hỗ trợ định giá, khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học;

b) Thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, nâng cao chất lượng dịch vụ về sở hữu trí tuệ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyên môn nghiệp vụ về thẩm định giá, hỗ trợ khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng nhu cầu của thị trường;

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội, hiệp hội trong hỗ trợ và triển khai hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

d) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên liên quan;

đ) Tổ chức quản lý, giám sát các dịch vụ về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các dịch vụ trung gian.

7. Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ

a) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

8. Hình thành và tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ

trong xã hội; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, chú trọng vai trò của hệ thống báo chí, xuất bản, truyền thông, văn học - nghệ thuật và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu đưa sở hữu trí tuệ và kỹ năng khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ thành nội dung học bắt buộc tại các cơ sở giáo dục đại học;

c) Tuyên truyền, giáo dục và lồng ghép phù hợp kiến thức, kỹ năng về sở hữu trí tuệ trong chương trình đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, sáng kiến và khởi nghiệp.

9. Tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ

a) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ, khai thác tối đa sự hỗ trợ về mọi mặt của các cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài và các tổ chức quốc tế;

b) Tích cực tham gia vào hoạt động của các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

c) Củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, đặc biệt là các nước ký kết hợp tác với thành phố; chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để các cơ quan, đơn vị của thành phố Cần Thơ có điều kiện tiếp cận, chủ động tham gia vào hoạt động phù hợp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nhanh chóng nâng cao năng lực của hệ thống sở hữu trí tuệ địa phương, bắt kịp với các xu hướng tiến bộ và trình độ quốc tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kinh phí lồng ghép các chương trình, đóng góp của tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; tổng kết việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2026-2030;

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

c) Đẩy mạnh công tác quản lý và thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy tài chính hóa quyền sở hữu trí tuệ, Kế hoạch hành động về sở hữu trí tuệ, Chương trình quốc gia về sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau khi Đề án, Kế hoạch, Chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ được phê duyệt.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và công nghiệp văn hóa;
- b) Tăng cường nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả;
- c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lập danh mục các sản phẩm, dịch vụ du lịch của địa phương để hỗ trợ bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ;
- d) Đẩy mạnh công tác quản lý và thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tài sản quyền tác giả, quyền liên quan và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm trên môi trường số, mạng internet trên địa bàn thành phố sau khi Đề án của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến lĩnh vực giống cây trồng;
- b) Tăng cường nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ thực hiện công tác quản lý và thực thi quyền đối với giống cây trồng;
- c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lập danh mục các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực của địa phương để hỗ trợ bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ;
- d) Đẩy mạnh công tác quản lý và thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực hệ thống bảo hộ, quản lý và khai thác quyền đối với giống cây trồng trên địa bàn thành phố sau khi Đề án của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được phê duyệt.

4. Sở Công Thương

- a) Tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu;
- b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước;
- c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án phát triển một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cao trên địa bàn thành phố sau khi Đề án của Bộ Công Thương được phê duyệt.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền, phổ biến về quyền sở hữu trí tuệ; khuyến khích giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên tham gia

nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; phối hợp với doanh nghiệp trong nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả được hình thành trong quá trình đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

6. Công an, Chi cục Hải quan khu vực XIX, Chi cục Quản lý thị trường, Tòa án, Viện Kiểm sát, Ban Chỉ đạo 389 thành phố

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, đề án liên quan đến công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể

a) Căn cứ theo chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cụ thể hóa nội dung và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch và theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật;

c) Trong quá trình thực hiện, lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ cũng như các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào các chương trình, đề án, chính sách phát triển của cơ quan, đơn vị.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Đẩy mạnh công tác thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Trong quá trình thực hiện, lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ cũng như các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào các chương trình, đề án, chính sách phát triển của địa phương;

d) Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý về quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ

Tuyên truyền, phổ biến hoạt động sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ hàng năm các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ (trước ngày 30 tháng 11) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026-2030 và thay thế Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang triển khai, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./. *Th*

Nơi nhận:

- Như điều IV;
- TT.TU, TT.HĐND TP (để b/c);
- CT, PCT UBND TP;
- UB. MTTQVN và các Đoàn thể TP;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Các Trường ĐH, CĐ;
- Các DN VT, DN CC DVS;
- Báo PTTH TPCT;
- VP UBND TP (2, 3, 4, 7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.NNH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Khởi
Nguyễn Văn Khởi